

BAN TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ BÁN CỔ PHẦN LẦN ĐẦU CỦA NHÀ MÁY GẠO XUẤT KHẨU TÂY NINH TRỰC THUỘC CÔNG TY TNHH MTV MÍA ĐƯỜNG TÂY NINH KHUYẾN CÁO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ NÊN ĐỌC KỸ CÁC THÔNG TIN TRONG TÀI LIỆU NÀY VÀ QUY CHẾ ĐẤU GIÁ TRƯỚC KHI ĐĂNG KÝ THAM DỰ ĐẤU GIÁ.

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU

NHÀ MÁY GẠO XUẤT KHẨU TÂY NINH
TRỰC THUỘC CÔNG TY TNHH MTV MÍA ĐƯỜNG TÂY NINH

TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐẤU GIÁ :



SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HCM

Địa chỉ: 16 Võ Văn Kiệt, Quận 1, TP. HCM

Điện thoại: (08) 3821 7713 Fax: (08) 3821 7452

www.hsx.vn

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH :



CÔNG TY TNHH MTV MÍA ĐƯỜNG TÂY NINH

Địa chỉ: 019 Võ Thị Sáu, Phường 3, TP. Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh

Điện thoại: (066) 6250 337 Fax: (066) 6250 363

www.tanisugar.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN :



CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN BETA

Trụ sở chính : Tầng 4&5, Tòa nhà Beta, 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, TP. HCM

Điện thoại: (08) 3914 2929 Fax: (08) 3914 3435

Chi nhánh Hà Nội : 88 Lý Thường Kiệt, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (04) 3934 5345 Fax: (04) 3939 3239

www.bsi.com.vn

MỤC LỤC

I. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ VỀ ĐỢT CHÀO BÁN	4
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG CBTT	5
III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT	5
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC CHÀO BÁN	6
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	6
2. Ngành nghề kinh doanh.....	7
3. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý điều hành.....	7
4. Các đơn vị trực thuộc	12
5. Thực trạng lao động	12
V. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÔNG TY	15
1. Tình hình kinh doanh trước khi cổ phần hoá.....	15
2. Trình độ công nghệ:	17
3. Tài sản của doanh nghiệp	18
4. Nguyên vật liệu	20
5. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới.....	21
6. Thị trường tiêu thụ:.....	21
7. Thực trạng của Doanh nghiệp tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp	22
VI. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN KINH DOANH SAU CỔ PHẦN HÓA	24
1. Thông tin về doanh nghiệp sau cổ phần hóa	24
2. Phương án đầu tư và chiến lược phát triển của Công ty sau cổ phần hóa	25
2.1 Phương án tổ chức và quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh	25
2.2 Phương án sử dụng đất	25
3. Môi trường kinh doanh và triển vọng phát triển sau khi cổ phần hóa.....	26
4. Kế hoạch sản xuất kinh doanh và phân bổ lợi nhuận trong 3 năm tiếp theo.....	27
5. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.....	27
6. Kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất.....	28
7. Các giải pháp thực hiện:	28
8. Phương án và chính sách lao động	31
9. Tổ chức bộ máy sau cổ phần hóa	32

10. Cơ cấu vốn điều lệ.....	34
VII. PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN CỔ PHẦN.....	35
1. Chào bán công khai ra bên ngoài cho các NĐT	35
2. Cổ phần bán cho người lao động trong công ty	35
3. Xử lý cổ phiếu không bán hết	36
VIII. RỦI RO DỰ KIẾN.....	36
1. Rủi ro về kinh tế.....	37
2. Rủi ro về luật pháp.....	37
3. Rủi ro của đợt chào bán.....	37
4. Rủi ro khác.....	37
IX. DỰ TOÁN TÀI CHÍNH	37
1. Dự toán chi phí cổ phần hóa.....	37
2. Tiền thu được dự kiến từ Cổ phần hóa.....	38
X. CAM KẾT.....	39

I. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

- Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông quan ngày 29 tháng 11 năm 2005;
- Căn cứ Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần;
- Thông tư số 202/2011/TT-BTC ngày 30/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ;
- Căn cứ Nghị định số 91/2010/NĐ-CP ngày 20/08/2010 của Chính phủ về chính sách đối với người lao động dôi dư do sắp xếp lại công ty Nhà nước;
- Căn cứ Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hoá của các doanh nghiệp 100% vốn Nhà Nước thực hiện chuyển đổi thành Công ty Cổ phần;
- Căn cứ Thông tư số 38/2010/TT-BLĐTBXH ngày 24/12/2010 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 91/2010/NĐ-CP ngày 20/08/2010 của Chính phủ về chính sách đối với người lao động dôi dư do sắp xếp lại công ty Nhà nước;
- Căn cứ Thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần;
- Căn cứ quyết định số 349/VP-KTTC của Văn phòng UBND tỉnh Tây Ninh ngày 20 tháng 1 năm 2014 thông báo quyết định của UBND tỉnh Tây Ninh về việc cổ phần hóa NM Gạo xuất khẩu Tây Ninh thuộc Công ty TNHH MTV Mía đường Tây Ninh;
- Căn cứ quyết định số 15/QĐ-CTMĐ ngày 12 tháng 2 năm 2014 của Công ty TNHH MTV Mía đường Tây Ninh về việc cổ phần hóa Nhà máy Gạo xuất khẩu Tây Ninh;
- Danh mục tài sản theo hồ sơ quyết toán dự án được kiểm toán và các Biên bản kiểm kê tài sản đang dùng tại thời điểm 31/12/2013;
- Căn cứ theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp được tổ chức tư vấn xác định doanh nghiệp là Công ty TNHH Thẩm định giá Chuẩn Việt số Số: 3134/14/APP.VVALUES ngày 10 tháng 04 năm 2014;
- Căn cứ Quyết định số 70/QĐ-CTMĐ ngày 19 tháng 05 năm 2014 của Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Mía đường Tây Ninh về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp Cổ phần hóa của Nhà máy Gạo xuất khẩu Tây Ninh;
- Căn cứ quyết định số 82/QĐ-CTMĐ ngày 10/06/2014 của HĐQT Công ty TNHH MTV Mía đường Tây Ninh về việc phê duyệt phương án chuyển đổi NM Gạo xuất khẩu Tây Ninh thành Công ty cổ phần;
- Căn cứ Quyết định số 135/QĐ-CTMĐ ngày 31/7/2014 của HĐQT Công ty TNHH MTV Mía đường Tây Ninh về việc bán cổ phần NM Gạo xuất khẩu Tây Ninh;
- Căn cứ công văn số 2661/UBND-KTTC ngày 15 tháng 10 năm 2014 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc giảm giá lần thứ nhất của Nhà máy gạo để bán cổ phần;

- Căn cứ quyết định số 193/QĐ-CTMĐ ngày 22 tháng 10 năm 2014 của Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Mía Đường Tây Ninh;
- Căn cứ Hợp đồng số 0103/HĐTV/MĐTN-BETA ngày 06/03/2014 giữa Liên danh cổ phần hóa gồm Công ty Cổ phần Chứng khoán Beta – Công ty TNHH Thẩm định giá Chuẩn Việt với Công ty TNHH MTV Mía Đường Tây Ninh về dịch vụ tư vấn bán đấu giá cổ phần.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH MTV MÍA ĐƯỜNG TÂY NINH:

- **Ông Nguyễn Thành Đồi** Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
- **Bà Nguyễn Thị Phúc** Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là hoàn toàn trung thực, phù hợp với thực tế, đầy đủ và cần thiết để người đầu tư có thể đánh giá về tài sản, hoạt động, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng của Công ty.

2. ĐẠI DIỆN BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA

- **Ông Trần Hải Sơn** Chức vụ: Trưởng ban

Bản công bố thông tin này do Doanh nghiệp cổ phần hoá và Tổ chức tư vấn lập đã được Ban chỉ đạo cổ phần hoá thông qua.

3. ĐẠI DIỆN NHÀ MÁY GẠO XUẤT KHẨU TÂY NINH

- **Ông Nguyễn Văn Cam** Chức vụ: Giám đốc Nhà máy

Chúng tôi chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là hoàn toàn trung thực, phù hợp với thực tế, đầy đủ và cần thiết để người đầu tư có thể đánh giá về tài sản, hoạt động, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng của Công ty.

4. ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN

- **Ông Nguyễn Đăng Khoa** Chức vụ: Giám đốc Khối Ngân hàng Đầu tư

Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản công bố thông tin này đã được thực hiện một cách hợp lý và cân trọng trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty TNHH MTV Mía đường Tây Ninh cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT

BCTC	:	Báo cáo tài chính
BTCT	:	Bê tông cốt thép
CN	:	Công nhân
CBCNV	:	Cán bộ công nhân viên
CPH	:	Cổ phần hóa
CSH	:	Chủ sở hữu
DN	:	Doanh nghiệp
DHĐCĐ	:	Đại hội đồng cổ đông

GTCL	:	Giá trị còn lại
HĐQT	:	Hội đồng quản trị
HĐTV	:	Hội đồng thành viên
Nhà Máy/ Nhà máy gạo	:	Nhà máy gạo xuất khẩu Tây Ninh
NDT	:	Nhà đầu tư
MTV	:	Một thành viên
Tanisugar	:	Công ty TNHH MTV Mía đường Tây Ninh
TSLĐ	:	Tài sản lưu động
TNHH	:	Trách nhiệm hữu hạn
UBND	:	Ủy ban nhân dân
VĐL	:	Vốn điều lệ
Vốn NN	:	Vốn nhà nước
WTO	:	Tổ chức thương mại thế giới

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC CHÀO BÁN

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Ngày 01/06/2011: UBND tỉnh Tây Ninh ra chủ trương về đầu tư xây dựng nhà máy xay xát gạo theo Công văn số 1147/UBND-KTTC.

Ngày 28/12/2011, Công ty đã khởi công xây dựng Nhà máy gạo xuất khẩu Tây Ninh, tại ấp Bên, xã An Thạnh, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh với chức năng xay xát gạo lúc, lau bóng gạo phục vụ xuất khẩu nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu thụ lúa của nông dân ở địa phương, hướng đến mục tiêu xuất khẩu mặt hàng gạo trực tiếp tại tỉnh, không qua trung gian, thương lái, đồng thời góp phần bình ổn lương thực cho tỉnh nhà.

Ngày 14/11/2012: Bộ Công thương cấp cho Công ty TNHH MTV Mía đường Tây Ninh (Tanisugar) đủ điều kiện kinh doanh xuất khẩu gạo theo giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xuất khẩu gạo số 193/GCN.

Ngày 26/7/2013: UBND tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 189144 và BM 189145.

Ngày 21/11/2013: Chi cục Đường thủy Nội địa phía Nam cấp cho Nhà máy gạo xuất khẩu Tây Ninh thuộc Công ty TNHH MTV Mía đường Tây Ninh giấy phép hoạt động bến thủy nội địa số 175/GPBTNĐ.

Với công suất giai đoạn I là 40.000 tấn sản phẩm/năm, Nhà máy đã đi vào hoạt động từ ngày 19/9/2012 và được Bộ Công thương cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xuất khẩu gạo từ ngày 14/11/2012. Trong giai đoạn II tiếp theo, nhà máy dự kiến sẽ nâng công suất để đạt tổng công suất là 80.000 tấn sản phẩm/năm (trung đương tiêu thụ 160.000 tấn lúa hàng hóa/năm cho nông dân trong tỉnh và khu vực).



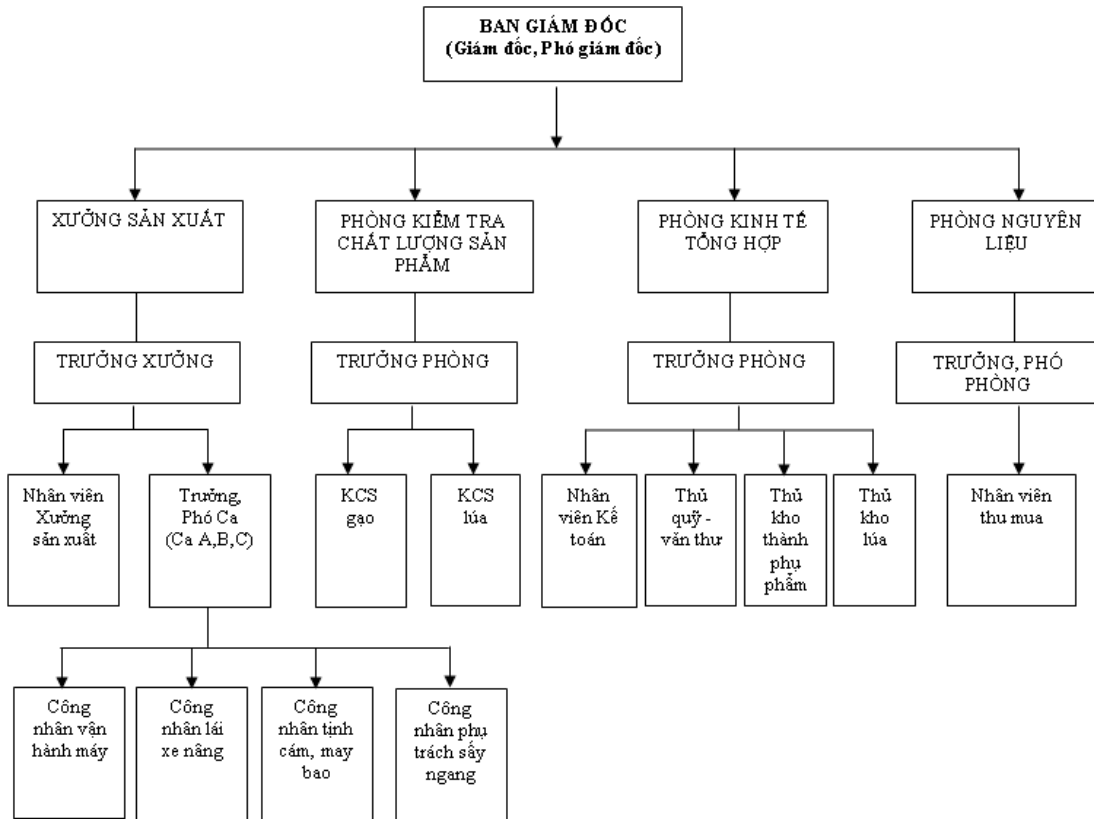
2. Ngành nghề kinh doanh

Nhà máy Gạo xuất khẩu Tây Ninh là đơn vị thành viên trực thuộc Công ty TNHH MTV Mía đường Tây Ninh với ngành nghề kinh doanh chính là sản xuất và kinh doanh - xuất nhập khẩu các sản phẩm lúa gạo.

3. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý điều hành

Nhà máy xuất khẩu gạo Tây Ninh là đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tanisugar theo chế độ báo cáo về cho văn phòng Công ty hạch toán.

3.1 Sơ đồ tổ chức của Nhà máy Gạo:



Chỉ đạo trực tiếp:



3.2 Chức năng nhiệm vụ

3.2.1 Ban giám đốc:

❖ **Nhân sự:**

- Giám đốc:
 - + Số lượng: 01 người
 - + Trình độ: Đại học
- Phó giám đốc
 - + Số lượng: 01 người
 - + Trình độ: Đại học

❖ **Chức năng:**

- Tổ chức, quản lý và điều hành toàn bộ hoạt động sản xuất của Nhà máy một cách có hiệu quả. Đảm bảo đúng quy chế, đúng quy trình và đúng định mức kỹ thuật kinh tế.
- Chịu trách nhiệm nhận kế hoạch sản xuất, tổ chức điều hành thực hiện đạt kế hoạch sản xuất đảm bảo tiến độ, chất lượng sản phẩm, hiệu suất thu hồi trước Ban TGD Công ty.
- Đảm bảo các hoạt động sản xuất tuân thủ các qui trình công nghệ và định mức sản xuất.
- Chịu trách nhiệm thực hiện tốt các nội qui của công ty về công tác quản lý lao động, quản lý tài sản và quản lý sản xuất, an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ.
- Chịu trách nhiệm phối hợp với các đơn vị liên quan của Công ty, thực hiện chế độ báo cáo hàng tháng, quý, năm và theo yêu cầu đột xuất của TGD.
- Thực hiện nhiệm vụ khác khi Ban TGD phân công.
- Khai thác các nguồn lực sẵn có đảm bảo cho hoạt động sản xuất của công ty.
- Xây dựng, trình phê duyệt các tài liệu thuộc Hệ thống quản lý chất lượng và các văn bản khác cho nhu cầu quản lý vận hành Nhà máy Gạo.
- Ký kiểm tra (ký tắt, ký nháy) và chịu trách nhiệm về nội dung trong các hợp đồng mua bán và giao dịch của công ty.

❖ **Nhiệm vụ:**

- Triển khai xử lý các vấn đề liên quan đến chất lượng kỹ thuật trong sản xuất.
- Tổ chức thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của nhà máy theo qui định của Ban Tổng Giám đốc công ty, kịp thời nhanh chóng đúng qui trình, qui định.
- Kiến nghị các phương án sản xuất của Nhà máy cho Ban Tổng Giám đốc Công ty.
- Tổng kết đánh giá kết quả hoạt động của Nhà máy, định kỳ báo cáo Ban Tổng Giám đốc.
- Phối hợp công tác chặt chẽ với các bộ phận khác của công ty trong quá trình hoạt động.
- Hướng dẫn, giám sát CBCNV trực thuộc về qui trình, kế hoạch, kiểm soát quá trình

sản xuất.

- Giám sát việc tuân thủ nội quy, thủ tục và kỷ luật lao động, an toàn lao động, PCCC.
- Đề xuất khen thưởng, kỷ luật, tuyển dụng nhân viên tại Nhà máy.

3.2.2 Xưởng sản xuất:

❖ Nhân sự

- Trưởng Xưởng:
 - + Số lượng: 01 người
 - + Trình độ: Đại học
- Trưởng ca:
 - + Số lượng: 01 người
 - + Trình độ: Đại học
- Phó ca:
 - + Số lượng: 02 người
 - + Trình độ: Trung cấp chuyên ngành kỹ thuật.
- Nhân viên thống kê:
 - + Số lượng: 01 người
 - + Trình độ: Đại học
- Công nhân:
 - + Số lượng: 24 người
 - + Trình độ: Sơ cấp chuyên ngành kỹ thuật trở lên.

❖ Chức năng:

- Thực hiện đúng các quy trình, quy định của công ty.
- Nhận kế hoạch sản xuất, tổ chức điều hành thực hiện kế hoạch sản xuất đảm bảo tiến độ, chất lượng sản phẩm, năng suất trước Ban Giám đốc.

❖ Nhiệm vụ:

- Quản lý công tác kỹ thuật và công nghệ, tổ chức thực hiện công tác duy tu bảo dưỡng.
- Tổ chức thực hiện Kế hoạch sản xuất đảm bảo đúng tiến độ, khối lượng và chất lượng sản phẩm.
- Lập kế hoạch mua vật tư, chi tiết, máy móc, thiết bị phục vụ công tác sản xuất, bảo trì, sửa chữa của dây chuyền sản xuất và thực hiện kế hoạch khi được phê duyệt.
- Lập quy trình vận hành dây chuyền sản xuất và thường xuyên kiểm tra, đôn đốc công nhân vận hành dây chuyền sản xuất theo quy trình đã được phê duyệt.
- Tổ chức thực hiện vận hành dây chuyền sản xuất theo quy định đã được phê duyệt.
- Theo dõi định mức sản xuất.

- Phụ trách PCCC, bảo lụt.
- Thực hiện báo cáo kết quả công việc (báo cáo sản xuất) và các báo cáo liên quan theo định kỳ, tuần, tháng, quý, năm, hoặc đột xuất theo yêu cầu của Ban giám đốc.
- Quản lý qui trình ISO tại Xưởng sản suất.

3.2.3 Phòng Kinh tế - Tổng hợp:

❖ Nhân sự:

- Trưởng phòng:
 - + Số lượng: 01 người
 - + Trình độ: Đại học
- Nhân viên kế toán:
 - + Số lượng: 01 người
 - + Trình độ: Đại học
- Nhân viên thủ quỹ - văn thư:
 - + Số lượng: 01 người
 - + Trình độ: Đại học
- Thủ kho:
 - + Số lượng: 03 người
 - + Trình độ: Trung cấp

❖ Chức năng:

- Tổng hợp, báo cáo định kỳ theo quy định và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Ban giám đốc Nhà máy Gạo về các hoạt động liên quan kế toán tài chính, quản lý nhân sự, quản lý xuất nhập tồn kho.
- Thực hiện đúng các quy trình, quy định của công ty.

❖ Nhiệm vụ:

- Phụ trách các hoạt động liên quan đến công tác thống kê, kế toán, tài chính
- Tổng hợp các hoạt động hành chính và quản lý nhân sự.
- Phụ trách công tác xử lý côn trùng NMG
- Thực hiện báo cáo kết quả công việc và tổng hợp báo cáo từ các phòng ban gửi về theo định kỳ tuần, tháng, quý, năm hoặc đột xuất theo yêu cầu của Ban giám đốc.
- Tiếp nhận các loại công văn đến, các văn bản nội bộ, các bưu phẩm thư cho cán bộ công nhân viên.
- Quản lý kho quỹ tiền mặt của Nhà máy gạo.
- Phụ trách quản lý kho nguyên liệu, thành phẩm, vật tư của Nhà máy gạo. Báo cáo xuất nhập tồn kho hằng ngày.
- Phụ trách cân xuất, nhập kho (cân ô tô – đường bộ, cân trong dây chuyền – đường sông).

3.2.4 Phòng nguyên liệu:

❖ **Nhân sự:**

- Trưởng phòng:
 - + Số lượng: 01 người
 - + Trình độ: Đại học
- Phó phòng:
 - + Số lượng: 01 người
 - + Trình độ: Đại học
- Nhân viên thu mua:
 - + Số lượng: 01 người
 - + Trình độ: Sơ cấp

❖ **Chức năng:**

- Tổ chức thu mua và xây dựng vùng nguyên liệu cho Nhà máy gạo. Báo cáo kết quả hoạt động định kỳ cho và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Ban giám đốc Nhà máy Gạo.
- Thực hiện đúng các quy trình, quy định của công ty.

❖ **Nhiệm vụ:**

- Lập kế hoạch chi tiết về: Thu mua lúa - gạo nguyên liệu (theo kế hoạch chung của công ty).
- Khảo sát tình hình giá lúa trong khu vực, đề xuất giá thu mua nguyên liệu kịp thời cho Ban giám đốc Nhà máy gạo tham mưu cho Ban Tổng giám đốc Công ty Mía đường ra quyết định thu mua nguyên liệu đúng giá thị trường.
- Lập kế hoạch và thực hiện đầu tư vùng nguyên liệu.
- Thực hiện báo cáo kết quả công việc và các báo cáo liên quan theo định kỳ, tuần, tháng, quý, năm, hoặc đột xuất theo yêu cầu của Ban giám đốc.
- Tổ chức thực hiện công tác thu mua nguyên liệu theo kế hoạch đã vạch ra.
- Lập kế hoạch, ký kết hợp đồng thu mua nguyên liệu với nông dân trong địa bàn tỉnh.

3.2.5 Phòng kiểm tra chất lượng sản phẩm:

❖ **Nhân sự:**

- Trưởng phòng:
 - + Số lượng: 01 người
 - + Trình độ: Đại học
- Nhân viên KCS gạo:
 - + Số lượng: 03 người
 - + Trình độ: Đại học (2 người), Trung cấp (1 người)

- Nhân viên KCS lúa :
 - + Số lượng: 03 người
 - + Trình độ: Đại học (2 người), Sơ cấp (1 người)

❖ Trách nhiệm:

- Thực hiện việc kiểm tra, kiểm soát chất lượng từ nguyên liệu đầu vào cho đến thành phẩm đầu ra. Báo cáo kết quả hoạt động định kỳ cho theo quy định và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Ban giám đốc Nhà máy Gạo.
- Thực hiện đúng các quy trình, quy định của công ty.
- Chịu trách nhiệm về việc thực hiện Hệ thống quản lý chất lượng tại Nhà máy gạo.

❖ Nhiệm vụ:

- Quản lý, kiểm tra và chịu trách nhiệm về chất lượng nguyên liệu đầu vào, thành phẩm đầu ra trong dây chuyền và trong kho lưu trữ.
- Lập bảng theo dõi, so sánh, đánh giá chất lượng của nguyên liệu, thành phẩm giữa các vụ lúa trong năm.
- Lập qui trình bảo quản nguyên liệu, thành phẩm trong quá trình lưu kho, hạn chế tối đa các điều kiện bất lợi làm giảm chất lượng của nguyên liệu, thành phẩm.
- Thực hiện báo cáo kết quả công việc và các báo cáo liên quan theo định kỳ, tuần, tháng, quý, năm, hoặc đột xuất theo yêu cầu của Ban giám đốc.
- Phụ trách công tác, kiểm tra, theo dõi và báo cáo kết quả thực hiện Hệ thống quản lý chất lượng tại Nhà máy gạo. Đề xuất phương án cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng cho Ban giám đốc Nhà máy gạo.

4. Các đơn vị trực thuộc

4.1 Chi nhánh: Không có

4.2 Các công ty con: Không có

4.3 Các công ty liên doanh, công ty liên kết, Các đơn vị trực thuộc khác: Không có

5. Thực trạng lao động

Trong những năm qua, công tác tổ chức cán bộ và chính sách đãi ngộ người lao động tại Nhà máy luôn được Công ty quan tâm hàng đầu, Công ty luôn chú trọng tới việc rà soát và điều chỉnh với mục tiêu phù hợp cho nhu cầu sản xuất kinh doanh trong từng thời kỳ, đảm bảo mức thu nhập ổn định tối thiểu cho cán bộ công nhân viên.

Số lượng lao động làm việc tại Nhà Máy tính đến thời điểm công bố giá trị Công ty ngày 31/12/2013: 43 người.

5.1 Phân loại theo trình độ

STT	Trình độ	Tổng số người	Tỷ lệ (%)
1	Trên đại học	0	0
2	Đại học	11	25,58

3	Cao đẳng	02	4,65
4	Trung cấp	08	18,60
5	Công nhân kỹ thuật	05	11,63
6	Lao động phổ thông	17	39,54
	Tổng cộng	43	100,00

5.2 Phân loại theo phòng ban

STT	Phòng ban	Tổng số người	Tỷ lệ (%)
1	Ban Giám đốc	02	4,65
2	Phòng Kinh tế Tổng hợp	06	13,95
3	Phòng nguyên liệu	02	4,65
4	Phòng KCS	06	13,95
5	Xưởng sản xuất	27	62,79
	Tổng cộng	43	100,00

5.3 Phân loại theo hình thức hợp đồng lao động

STT	Nội dung	Tổng số	ghi chú
I	Tổng số lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hoá.	43	
1	Lao động không thuộc diện ký hợp đồng lao động		
2	Lao động làm việc theo hợp đồng lao động	43	
a	Lao động làm việc theo HĐLĐ không xác định thời hạn	12	
b	Lao động làm việc theo HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 tháng	31	
c	Lao động làm việc theo mùa vụ hoặc một công việc nhất định dưới 03 tháng	0	

STT	Nội dung	Tổng số	ghi chú
3	Lao động đang nghỉ việc nhưng có tên trong danh sách lao động của công ty	0	
II	Số lao động nghỉ việc tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp	0	
1	Số lao động đủ điều kiện hưu theo chế độ hiện hành	0	
2	Số lao động sẽ chấm dứt hợp đồng lao động		
a	Hết hạn hợp đồng lao động	0	
b	Tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động	0	
c	Chấm dứt hợp đồng lao động với lý do khác theo quy định của pháp luật	0	
3	Số lao động không bố trí được việc làm tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hoá, chia ra:		
a	Số lao động thực hiện theo Nghị định số 91/2010/NĐ-CP	0	
b	Số lao động phải chấm dứt hợp đồng lao động và trả trợ cấp mất việc làm	0	
III	Số lao động còn hạn hợp đồng lao động sẽ chuyển sang làm việc tại công ty cổ phần		
1	Số lao động mà hợp đồng lao động còn thời hạn	43	
2	Số lao động nghỉ hưởng chế độ bảo hiểm xã hội	01	
a	Ốm đau		
b	Thai sản	01	

STT	Nội dung	Tổng số	ghi chú
c	Tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp		
3	Số lao động đang tạm hoãn hợp đồng lao động, chia ra:	01	
a	Nghĩa vụ quân sự	01	
b	Nghĩa vụ công dân khác		
c	Bị tạm giam, tạm giữ		
d	Do hai bên thoả thuận (không quá 03 tháng)		

5.4 Trình độ đội ngũ nhân sự

Trình độ văn hóa, nghiệp vụ chuyên môn của cán bộ công nhân viên trong Nhà máy đảm bảo đáp ứng nhu cầu công việc. Do đặc thù là doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu lúa gạo nên lực lượng lao động phổ thông chiếm hơn một nửa số lượng người lao động tại Nhà Máy, đây là lực lượng lao động lành nghề, có kinh nghiệm làm việc trong ngành lúa gạo và thường xuyên được đào tạo để nâng cao trình độ tay nghề, chuyên môn. Với đội ngũ quản lý tại Nhà Máy cũng thường xuyên được đào tạo để nâng cao trình độ quản lý, trình độ lý luận để phục vụ tốt cho nhu cầu công việc.

5.5 Kế hoạch nhân sự

Sau cổ phần hóa và hoạt động dưới mô hình công ty cổ phần, đơn vị dự kiến xây dựng kế hoạch nhân sự:

- Xác định nhu cầu nhân sự.
- Xây dựng cơ cấu tổ chức.
- Xây dựng kế hoạch phát triển nguồn nhân lực: đào tạo nhân sự, xây dựng đội nhóm, chiêu dụng và duy trì nhân sự, khen thưởng động viên.
- Chính sách lương bổng.
- Xây dựng cơ chế, quy trình, phân quyền.

Dựa trên cơ sở nguồn lao động hiện có và kế hoạch kinh doanh của Công ty sau khi chuyển sang hình thức Công ty cổ phần, Ban chỉ đạo Cổ phần hóa đã thông qua phương án giữ nguyên lực lượng lao động hiện tại đang làm việc tại công ty trước cổ phần hóa.

V. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÔNG TY

1. Tình hình kinh doanh trước khi cổ phần hoá

Do Nhà Máy Gạo chỉ mới xây dựng hoàn thành quý IV/2012 và bắt đầu cho đi vào khai thác vào đầu năm 2013 nên hoạt động kinh doanh chỉ thực sự bắt đầu từ đầu năm 2013.

1.1 Các hoạt động kinh doanh chính

Hiện nay Hoạt động sản xuất, kinh doanh của Nhà máy Gạo xuất khẩu Tây Ninh tập trung chỉ đơn thuần là sản xuất chế biến xuất khẩu các sản phẩm từ lúa gạo.



Gạo trắng hạt dài

Gạo thơm

1.2 Cơ cấu sản phẩm

Đơn vị: đồng

Doanh thu	Quý 4/Năm 2012		Năm 2013	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Gạo	2.030.316.137	34,83%	56.616.399.139	68,82%
Tấm	442.253.685	7,59%	17.239.555.739	20,95%
Cám	3.002.539.943	51,51%	7.562.353.187	9,19%
Trấu, tro	354.299.047	6,087%	854.494.190	1,04%
Cộng	5.829.408.812	100,00%	82.272.802.255	100,00%

Nguồn: Dữ liệu từ báo cáo hoạt động SXKD của Nhà máy gạo

1.3 Tình hình tài chính, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước khi cổ phần hoá

Đơn vị: đồng

STT	Chỉ tiêu	Quý 4/ Năm 2012	Năm 2013
1	Vốn nhà nước theo sổ kế toán	65.837.627.036	76.847.984.555
2	Tổng số lao động	23	35

STT	Chỉ tiêu	Quý 4/ Năm 2012	Năm 2013
3	Thu nhập bình quân người/tháng	6.893.141	6.330.654
4	Tổng doanh thu	5.829.408.812	82.272.802.255
5	Giá vốn hàng bán	5.672.413.584	80.656.026.864
6	Chi phí tài chính	105.000.000	450.000.000
7	Chi phí bán hàng	22.960.000	141.639.610
8	Chi phí QLDN	242.917.616	744.475.974

Nguồn: Báo cáo tài chính của Nhà máy Gạo năm 2012, 2013

1.4 Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty trước khi cổ phần hóa

Nhà máy mới được xây dựng vào quý IV/2012 và chính thức hoạt động cuối năm 2012. Trong năm 2013, do tình hình kinh tế thế giới và trong nước gặp nhiều khó khăn, thị trường xuất khẩu gạo đang bị chững lại nên nhà máy chưa chạy hết công suất thiết kế, chỉ sản xuất số ít gạo tiêu thụ thị trường trong nước, chưa tìm được thị trường xuất khẩu nên chỉ số doanh thu và lợi nhuận chưa cao.

2. Trình độ công nghệ:

2.1 Nhà xưởng:

- Xưởng chế biến, nhà cám, lò sấy lúa: diện tích xây dựng 7.200 m². Kết cấu móng BTCT, nền nhà bê tông XM, khung nhà cột, kèo kết cấu thép. Vách tôn kết hợp tường xây được tô XM, trát P và sơn nước. Mái lợp tôn sóng vuông mạ màu kết hợp lắp đặt cửa trời thông gió và chiếu sáng tự nhiên. Cửa ra vào dùng cửa đi sắt cuốn, cửa sổ sắt kính lật, bên trong lắp đặt khung lưới thép chống chim chuột.
- Kho trấu, nhà xưởng sấy vi ngang: diện tích xây dựng 1.800 m², kết cấu móng BTCT, nền nhà bê tông XM, khung nhà cột, kèo kết cấu thép. Vách tôn kết hợp tường xây được tô XM. Mái lợp tôn sóng vuông mạ màu, cửa ra vào thép hình dầy ngang.
- Bờ kè, cầu tàu: bờ kè dài 115 mét, 02 cầu tàu (kích thước 23,3 x 3,5m và 19,3 x 3,5m) kết cấu móng cọc BTCT 30x30cm, đà và đan sàn BTCT; cầu tàu khả năng tiếp nhận phương tiện thủy có trọng tải lớn đến 1.000 tấn.
- Các công trình khác: nhà làm việc (130 m²); trạm cân ô tô 80 tấn, đường nội bộ, cống – hàng rào, nhà bảo vệ; Trạm hạ thế 1.000 KVA . . .

2.2 Thiết bị:

- Bộ phận phân tích: Đảm bảo yêu cầu kỹ thuật để phân tích, đánh giá, phân loại thóc, gạo đối với các chỉ tiêu về độ ẩm, tạp chất, hạt nguyên vẹn, hạt bị hư hỏng, hạt xanh non ... thiết bị chính trang bị trong bộ phận phân tích, kiểm phẩm gồm:
 - + 01 máy bóc vỏ trấu TR 200;
 - + 02 máy xát trắng WT-15A;

- + 01 dụng cụ chia mẫu;
- + 02 cân phân tích Tanita Max 120Y;
- + 02 bộ sàng bắt tấm;
- + 01 bảng đen –trắng;
- + 01 thước đo chiều dài hạt Mitutoyo.
- Hệ thống máy xay: Đảm bảo đủ công suất, đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật công nghệ. Hệ thống gồm những thiết bị chính như sau:
 - + 01 Thiết bị làm sạch STL1-120DA, công suất 8-12 tấn/giờ;
 - + 05 Thiết bị bóc vỏ trấu CL-600B, công suất 3-6 tấn/giờ ;
 - + 02 Thiết bị tách trấu HR-60AD;
 - + 02 Thiết bị tách thóc BG-40B, công suất 14 tấn/giờ.
- Dây chuyền máy xát, đánh bóng, phân loại, tách màu và phối trộn: Đảm bảo đủ công suất, đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật công nghệ. Dây chuyền gồm những thiết bị chính như sau:
 - + 03 Thiết bị xát bóc cám (máy xát trắng) CDA 100C, công suất 7-10 tấn/giờ;
 - + 02 Thiết bị tách sạn, đá. (máy tách đá) SDA-50A, công suất 5 tấn/giờ;
 - + 03 Thiết bị đánh bóng (máy đánh bóng) CBL-10C, công suất 8-10 tấn/giờ;
 - + Thiết bị giảm ẩm để gạo đạt yêu cầu kỹ thuật (01 máy sấy nóng và 01 máy sấy gió);
 - + Thiết bị tách tấm (hệ thống sàng đảo, trồng lựa) đáp ứng công suất dây chuyền;
 - + Hệ thống phối trộn;
 - + Thiết bị tách màu (máy tách màu) đáp ứng công suất dây chuyền.
- Dây chuyền đóng gói: Công suất của dây chuyền đóng gói phù hợp và đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật công nghệ trong đóng gói thành phẩm. Dây chuyền gồm những thiết bị chính như sau:
 - + Thiết bị định lượng gồm: bồn chứa sản phẩm, cân;
 - + Thiết bị bao gói gồm: hệ thống băng tải, máy may bao.
- Hệ thống sấy vi ngang công suất 200 tấn/ngày: gồm 08 lò sấy kết hợp hệ thống băng tải, gàu tải nạp lúa tươi và xuất lúa khô.
- Phương tiện vận chuyển trong nhà máy: 01 xe nâng điện, 01 xe nâng dầu với sức nâng tối đa 2,5 tấn; hệ thống băng tải ngang ...

3. Tài sản của doanh nghiệp

STT	Tên Tài sản	Giá trị thực tế	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại
1	2	6	7
A	Tài sản cố định hữu hình	77.780.211.374	72.860.879.295

I	Nhà cửa, vật kiến trúc	40.114.094.152	38.597.435.893
1	Nhà chứa rác-Nhà máy gạo	22.852.050	21.328.578
2	Cây xanh-nhà máy gạo	340.400.061	297.850.053
3	Nhà để xe ô tô, xe gắn máy-Nhà máy gạo	102.358.136	97.240.232
4	Bờ kè, cầu tàu-nhà máy gạo	3.936.158.584	3.804.953.296
5	Cổng hàng rào, nhà bảo vệ-nhà máy gạo	2.785.291.996	2.646.027.400
6	Móng đầu trộn-nhà máy gạo	207.867.087	200.938.179
7	Xưởng chế biến, kho thành phẩm, nhà cám, lò sấy lúa	15.610.041.007	15.089.706.340
8	Kết cấu móng thiết bị xay xát lau bóng gạo	1.963.155.922	1.897.717.390
9	Đường nội bộ-nhà máy gạo	3.314.821.732	3.149.080.648
10	Nhà làm việc-nhà máy gạo	706.111.448	682.574.396
11	Hệ thống cấp nước sinh hoạt-nhà máy gạo	261.977.646	248.878.758
12	Nhà vệ sinh, nhà tắm công cộng-nhà máy gạo	183.183.603	174.024.423
13	Đường vào nhà máy gạo	2.011.742.660	1.911.155.528
14	Nhà chứa trấu-nhà máy gạo	4.477.307.527	4.328.063.947
15	Sảnh đợi khách, phòng thí nghiệm-nhà máy gạo	207.659.449	200.737.465
16	San lấp mặt bằng-nhà máy gạo	3.267.957.346	3.159.025.438
17	Nhà kho chứa trấu số 2-nhà máy gạo	145.415.350	140.568.166
18	Mương thu, bể điều tiết nước chống lũ-nhà máy gạo	151.024.325	143.473.109
19	Trạm cân 80 tấn-nhà máy gạo	293.513.425	278.837.749
20	Khu nhà ở tập thể (hình thành từ nguồn quỹ khen thưởng phúc lợi)	125.254.798	125.254.798
II	Máy móc thiết bị	36.986.117.222	33.608.196.944
1	Nâng cấp từ 1 pha lên 3 pha-nhà máy gạo	1.494.411.268	1.394.783.848
2	Hệ thống điện hạ thế-nhà máy gạo	2.301.339.913	2.147.917.249
3	Thiết bị hệ thống băng tải cầu cảng và di động-nhà máy gạo	1.921.694.676	1.729.525.212
4	Lưới chắn và quạt thông gió-nhà máy gạo	197.292.447	177.563.199
5	Thiết bị dây chuyền xay xát, lau bóng gạo	22.548.733.924	20.293.860.532

6	Hệ thống máy sấy gạo	478.320.570	454.404.540
7	Hệ thống đầu trộn gạo	1.061.955.381	955.759.845
8	Thiết bị hầm nấp liệu, thùng chứa, lan can, cầu thang-nhà máy gạo	595.284.238	565.520.026
9	Cân bằng tải điện tử-nhà máy gạo	75.942.933	68.348.637
10	Hệ thống PCCC, chống sét, thiết bị cứu hỏa-nhà máy gạo	2.519.119.081	2.267.207.173
11	Thiết bị cân 80T-nhà máy gạo	476.012.938	428.411.638
12	Thiết bị lò sấy lúa 200T	2.809.723.636	2.669.237.452
13	Thiết bị xe nâng hàng (xe nâng điện) - nhà máy gạo	506.286.217	455.657.593
III	Phương tiện vận tải	680.000.000	655.246.458
1	Xe nâng dầu hiệu Toyota	680.000.000	655.246.458
B	Công cụ dụng cụ	1.369.866.350	624.508.709
C	Tài sản cố định vô hình	3.210.738.817	3.146.524.039
1	Giá trị quyền sử dụng đất	2.093.521.500	2.051.651.070
2	Chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng	1.117.217.317	1.094.872.969
	Tổng cộng	82.360.816.541	76.631.912.043

(Nguồn: Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp trên cơ sở danh mục tài sản bàn giao để cổ phần hóa NM Gạo xuất khẩu Tây Ninh theo quyết định số 15/QĐ-CTMĐ ngày 12/02/2014 của HĐQT Tanisugar)

4. Nguyên vật liệu

Tây Ninh có diện tích 4.029,6 km² (402.960 ha), trong đó tổng diện tích dùng để trồng lúa trong ba vụ trung bình khoảng 146.182 ha/năm.

Một năm, Tây Ninh trồng được 3 vụ: Lúa Đông Xuân (vụ chính), Lúa Hè Thu và Lúa Mùa. Trong đó, vụ lúa mùa chiếm diện tích cao nhất khoảng 58.696 ha/năm, kế đến là Hè Thu với diện tích khoảng 47.022 ha/năm và thấp nhất là Đông Xuân với diện tích là 40.464 ha/năm.

Trong 9 huyện thị, huyện có diện tích trồng lúa cao nhất là Trảng Bàng, Châu Thành, Bến Cầu, Gò Dầu. Cụ thể đối với vụ lúa Đông Xuân: Châu Thành (11.235 ha/năm), Trảng Bàng (10.399 ha/năm), Bến Cầu (8.106 ha/năm), Gò Dầu (6.758 ha/năm).

Trong 3 vụ mùa thì lúa Đông Xuân (vụ chính) cho năng suất cao nhất, trung bình từ năm 2005 – 2009, năng suất lúa Đông Xuân là 50 tạ/ha, lúa Hè Thu là 42 tạ/ha, lúa Mùa là 41 tạ/ha.

Sản lượng lúa hàng năm của Tây Ninh tăng liên tục từ năm 2005 đến 2010, năm 2010 sản lượng lúa đạt 738.778 tấn lúa/năm, trong đó các huyện có sản lượng lúa cao nhất là Trảng Bàng 202.155 tấn lúa/năm, Châu Thành 181.012 tấn lúa/năm, Bến Cầu 134.364 tấn lúa/năm, Gò Dầu 100.229 tấn lúa/năm, (số liệu từ Cục Thống kê Tây Ninh năm 2010).

Nếu trung bình mỗi người tiêu thụ 262kg lúa/năm, với số dân ở Tây Ninh là 1.067.674 người thì toàn tỉnh Tây Ninh sẽ tiêu thụ khoảng 280.000 tấn lúa/năm. Tuy nhiên, dân Tây Ninh ăn gạo chất lượng cao của Thái Lan và ở miền Tây nhập về rất

nhiều, chiếm gần 50% số lượng dân số. Nếu chúng ta đối chiếu với sản lượng lúa hàng năm là 738.778 tấn lúa thì mỗi năm trên toàn tỉnh Tây Ninh có số lượng lúa dôi dư ra hơn 598.778 tấn lúa/năm (81%). Đây là một trong những điều kiện thuận lợi cho việc mở rộng kinh doanh, xuất khẩu lúa, gạo sang các vùng lân cận trong nước hoặc xuất khẩu sang nước ngoài.

Nguồn: Số liệu từ Cục Thống kê Tây Ninh năm 2010

5. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

- Về giống: Tập trung cho các giống gạo có chất lượng cao, nâng cao hàm lượng chất xám, tạo thêm nhiều loại sản phẩm tiện ích cho khách hàng, nâng cao giá trị gia tăng.
- Về số lượng: phát huy hết công suất trang bị, sản xuất được nhiều sản phẩm nhất trong điều kiện cho phép.

6. Thị trường tiêu thụ:

6.1 Các khách hàng lớn, tiêu biểu

Stt	Tên khách hàng	Giá trị thực hiện Năm 2013 (đồng)
01	Công ty TNHH Tân An Thái	28.300.092.450
02	Công ty CP XNK Thuận Minh	13.286.637.000
03	Công ty CP XNK Hàm Long Bay	8.400.000.000
04	Công ty CP XNK Vĩnh Phong	2.775.156.720
05	Công ty TNHH TM SX Thế Mậu	2.490.622.725
06	Cty TNHH KD nông sản Kim Ngọc	2.487.395.610
07	Công ty TNHH Thiên Lộc	2.096.744.800
08	Công ty TNHH TMDV Thiên Nhiên	2.085.300.000
09	Công ty TNHH MTV Đức Thắng	1.733.214.000
10	Công ty CP Việt Nam Mộc Bài	1.527.200.000
11	Cty TNHH TM&SX Đại Dương Xanh	666.256.500
12	Công ty TNHH Ánh Tuyết	583.336.110
13	Nguyễn Thị Hải	5.472.928.810
14	Nguyễn Thị Hiền	1.575.600.000
	Cộng	73.480.484.725

6.2 Mục tiêu khách hàng:

- Xuất khẩu: Tập trung vào các thị trường truyền thống đã có khách ban đầu như Mỹ, Hongkong, Trung Quốc...và tích cực tìm các đối tác thị trường châu Phi.
- Trong nước phủ kín các huyện trong tỉnh và tiếp tục mở rộng ra khu vực miền Đông Nam Bộ, Tây Nguyên.
- Tiêu thụ trực tiếp cho các nhà máy công nghiệp sản xuất sản phẩm sau gạo như bún, phở, bánh tráng, bia...

7. Thực trạng của Doanh nghiệp tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp

7.1 Giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa

Giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013 được xác định theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp của Nhà máy Gạo xuất khẩu Tây Ninh như sau:

CHỈ TIÊU	Số liệu sổ sách kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
1	2	3	4
A. Tài sản đang dùng (I+II+III+IV)	76.475.479.353	76.631.912.043	156.432.690
I. TSCĐ và đầu tư dài hạn	76.280.615.837	76.311.375.018	30.759.181
1. Tài sản cố định	72.860.879.295	72.860.879.295	-
<i>a. Tài sản cố định hữu hình</i>	72.860.879.295	72.860.879.295	-
<i>b. Tài sản cố định vô hình</i>	-	-	-
2. Tài sản cố định thuê tài chính	-	-	-
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-
4. Các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn	-	-	-
5. Chi phí trả trước dài hạn	3.419.736.542	3.450.495.723	30.759.181
II. TSLĐ và đầu tư ngắn hạn	194.863.516	320.537.025	125.673.509
1. Tiền	-	-	-
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-
3. Các khoản phải thu	-	-	-

CHỈ TIÊU	Số liệu sổ sách kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
1	2	3	4
4. Vật tư hàng hóa tồn kho	-	-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	194.863.516	320.537.025	125.673.509
6. Chi phí sự nghiệp	-	-	-
III. Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp			
IV. Giá trị quyền sử dụng đất			
B. Tài sản không cần dùng			
C. Tài sản chờ thanh lý			
D. Tài sản hình thành từ quỹ khen thưởng phúc lợi (không sử dụng cho sản xuất kinh doanh)			
TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP (A+B+C+D)	76.475.479.353	76.631.912.043	156.432.690
Trong đó: TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ DOANH NGHIỆP (=A)	76.475.479.353	76.631.912.043	156.432.690
E1. Nợ thực tế phải trả			
E2. Quỹ khen thưởng phúc lợi	125.254.798	125.254.798	-
E3. Nguồn kinh phí sự nghiệp			
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP [A - (E1+E2+E3)]	76.350.224.555	76.506.657.245	156.432.690

Nguồn: Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 31/12/2013 được lập bởi Công ty TNHH Thẩm định giá Chuẩn Việt trên cơ sở danh mục tài sản Nhà máy gạo Tây Ninh được Công ty TNHH MTV Mía đường Tây Ninh bàn giao

7.2 Giá trị thực tế doanh nghiệp và giá trị thực tế phần vốn Công ty TNHH MTV Mía đường Tây Ninh tại Nhà máy gạo Xuất khẩu Tây Ninh

Căn cứ kết quả xác định giá trị doanh nghiệp được Ban chỉ đạo cổ phần hóa, hội đồng tư vấn thông qua thì:

1. Giá trị thực tế tài sản của Nhà Máy: 76.631.912.043 đồng
2. Giá trị thực tế phần vốn Công ty Mía đường Tây Ninh tại Nhà Máy: 76.506.657.245 đồng
3. Tài sản không đưa vào cổ phần hóa:
 - Tài sản không cần dùng: - đồng
 - Tài sản chờ thanh lý: - đồng
 - Tài sản nhận giữ hộ Nhà nước: - đồng

7.3 Căn cứ kết quả bán đấu giá công khai lần thứ nhất của Nhà máy gạo xuất khẩu Tây Ninh qua Sở Giao dịch Chứng khoán và nhằm thu hút được nhiều nhà đầu tư mua cổ phần, Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Mía Đường Tây Ninh qua sự đồng ý của UBND tỉnh Tây Ninh đã quyết định giảm 10% tổng giá trị của Nhà Máy Gạo.

- Giá trị thực tế Nhà máy gạo xuất khẩu Tây Ninh: 76.506.657.245 đồng
- Giá trị điều chỉnh giảm: 7.650.657.245 đồng
- Giá trị Nhà Máy Gạo sau điều chỉnh giảm: 68.856.000.000 đồng

VI. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN KINH DOANH SAU CỔ PHẦN HÓA

1. Thông tin về doanh nghiệp sau cổ phần hóa

1.1. Thông tin cơ bản

- Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC MỘC BÀI
- Tên tiếng Anh: Moc Bai Joint Stock Company
- Tên Tiếng Anh viết tắt: Mocbaifood
- Trụ sở chính: Ấp Bến, xã An Thạnh, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh
- Điện thoại: (066) 3764 062 Fax: (066) 3764 061

1.2. Ngành nghề kinh doanh

❖ Ngành, nghề kinh doanh chính

- Xay xát và sản xuất bột thô
 - + Hoạt động xay xát gạo: sản xuất gạo bằng cách tách vỏ trấu, xay xát, đánh bóng, lược qua.
 - + Sản xuất bột gạo

❖ Ngành, nghề có liên quan đến ngành, nghề kinh doanh chính

- Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột
 - + Sản xuất tinh bột từ gạo, khoai tây, ngô
- Trồng lúa:
 - + Các hoạt động gieo trồng (cây, sạ) các loại cây lúa: lúa nước, lúa cạn.
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống

+ Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác (Bán buôn thóc, lúa mỳ, ngô, hạt ngũ cốc khác, kể cả loại dùng để làm giống)

+ Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản (Bán buôn thức ăn gia súc, gia cầm, thức ăn cho nuôi trồng thủy sản; Bán buôn bán thành phẩm, phế liệu, phế thải từ các sản phẩm nông nghiệp dùng để chế biến thức ăn gia súc, gia cầm, thức ăn cho nuôi trồng thủy sản).

- Bán buôn gạo
- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh
 - + Bán lẻ của các cửa hàng chuyên doanh gạo, ngô
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa
 - + Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới (Vận tải hàng hóa đường sông, hồ, kênh, rạch bằng tàu và phương tiện cơ giới khác (thuyền, ghe, xuồng có gắn động cơ).
 - + Cho thuê tàu có thủy thủ đoàn, cho thuê thuyền, ghe, xuồng máy có người lái để vận tải hàng hóa trên sông, hồ, kênh, rạch).
- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại

Việc xử lý trước khi tiêu hủy và xử lý khác đối với các chất thải rắn và không rắn không độc hại, như:

- + Hoạt động của các khu đất dùng cho tiêu hủy rác thải không độc hại.
- + Tiêu hủy rác thải không độc hại bằng cách đốt cháy hoặc thiêu hủy hoặc bằng các phương pháp khác có hoặc không có dẫn đến sản xuất điện hoặc hơi nước, các nhiên liệu thay thế, khí đốt sinh học, tro hoặc các sản phẩm cho mục đích sử dụng khác.
- + Xử lý rác thải hữu cơ để tiêu hủy.

- Sản xuất phân compôt từ chất thải hữu cơ.

2. Phương án đầu tư và chiến lược phát triển của Công ty sau cổ phần hóa

2.1 Phương án tổ chức và quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh

- Sắp xếp, xây dựng các bộ phận trong Công ty theo hướng đơn giản, hiệu quả. Thực hiện phân công, phân nhiệm rõ ràng tới từng bộ phận, nâng cao tính chủ động và quản lý theo hiệu quả công việc.
- Thực hiện công khai minh bạch trong quản lý điều hành.
- Xây dựng cơ chế khen thưởng, kỷ luật rõ ràng nhằm mục đích phát huy hết năng lực của cán bộ công nhân viên, thu hút nhân tài và gắn bó người lao động với Công ty.
- Tập trung cải thiện và nâng cao năng lực đầu tư dự án đảm bảo hoàn thành đúng tiến độ, sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư, thúc đẩy nhanh quá trình thu hồi vốn đầu tư.

2.2 Phương án sử dụng đất

- **Địa điểm các khu đất:** Thuộc địa phận trong khuôn viên Nhà Máy Gạo tại Ấp Bến, xã Anh Thạnh, huyện Bến Cầu.

- **Phương án sử dụng đất:**

Thửa đất có diện tích 20.256,9 m² đơn vị tiếp tục sử dụng theo hiện trạng và sử dụng đúng mục đích. Căn cứ theo công văn số 1259/STNMT-CCQLDD ngày 25 tháng 04 năm 2014 của Sở tài nguyên môi trường tỉnh Tây Ninh về việc thống nhất phương án sử dụng đất của Nhà máy gạo là tiếp tục được thuê đất theo hình thức trả tiền hàng năm.

3. Môi trường kinh doanh và triển vọng phát triển sau khi cổ phần hóa

3.1 Phân tích môi trường kinh doanh

Là một yếu tố quan trọng của nền kinh tế, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp chịu tác động trực tiếp bởi các biến động kinh tế, xã hội, chính trị, pháp luật trong nước và thế giới.

Yếu tố kinh tế: Tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong giai đoạn từ năm 2003 đến 2007 khá cao và ổn định với tốc độ tăng trưởng GDP bình quân hàng năm là 8,01%/năm. Tuy nhiên do tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới từ năm 2008, chính sách thắt chặt tiền tệ nhằm kiềm hãm tốc độ lạm phát trong nước, tốc độ tăng trưởng GDP chỉ dừng lại ở mức bình quân 6,04%/năm từ năm 2008 trở lại đây, năm 2011 với tỷ lệ 5,9% và đạt mức thấp nhất trong năm 2012 là 5,03% , kế hoạch 2013 là 5,5% (nguồn số liệu: theo công bố thông tin thống kê kinh tế - xã hội các năm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư). Đi đôi với tốc độ tăng trưởng kinh tế, tình hình lạm phát của Việt Nam cũng có những diễn biến khá phức tạp trong vòng 10 năm trở lại đây khi chỉ số giá tiêu dùng trong nước CPI tăng vọt lên mức kỷ lục 22,97% trong năm 2008, giảm xuống thấp nhất trong năm 2009 với mức 6,88% và tăng lên mức 18,12% trong năm 2011, năm 2012 là 7,5% , kế hoạch 2013 là khoảng 8% (nguồn: theo công bố thông tin thống kê kinh tế - xã hội các năm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

Riêng về lúa gạo nước ta hàng năm có diện tích gieo trồng khoảng 7,35– 7,4 triệu ha, cho sản lượng lúa khoảng 39 triệu tấn và xay ra gạo được khoảng 25 triệu tấn. Trong đó Tây Ninh có 146.180 ha trồng lúa, cho ra sản lượng lúa trung bình hàng năm khoảng 800.000 tấn.

Trong những năm gần đây nước ta tham gia thị trường gạo thế giới, kết quả xuất khẩu gạo trong năm 2008 đạt 4.679.050 tấn, trị giá FOB 2,663 tỷ USD; năm 2009 đạt 6.052.586 tấn, đạt trị giá 2,464 tỷ USD; năm 2010 đạt 6,754 triệu tấn, đạt trị giá 2,912 tỷ USD; năm 2011 đạt 7,105 triệu tấn, trị giá FOB 3,507 tỷ USD, trị giá CIF 3,651 tỷ USD. Trong bối cảnh kinh tế khó khăn, sản lượng lúa của Việt Nam năm 2012 tiếp tục được nâng lên gần 44 triệu tấn, cao hơn năm 2011 khoảng 1,3 triệu tấn góp phần vào việc lập kỷ lục về lượng gạo xuất khẩu, đạt trên 7,7 triệu tấn và thu về gần 3,5 tỷ USD. Năm 2013 đến hết tháng 11 đã xuất khẩu đạt 6,143 triệu tấn, trị giá FOB 2,647 tỷ USD, trị giá CIF 2,755 tỷ USD.

Yếu tố chính trị - luật pháp: Thể chế chính trị của Việt Nam được đánh giá là ổn định nhất trong khu vực. Trước yêu cầu của việc điều hành nền kinh tế theo cơ chế kinh tế thị trường, Chính phủ Việt Nam đang nỗ lực từng bước đổi mới và cải cách hành chính, xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật để tạo ra nền hành chính công minh bạch và đáp ứng với yêu cầu của quá trình mở cửa và hội nhập kinh tế quốc tế.

Yếu tố văn hóa - xã hội: Với tốc độ tăng trưởng kinh tế và mức độ hội nhập văn hóa ngày càng sâu rộng, trình độ nhận thức của người tiêu dùng Việt Nam ngày càng được nâng cao. Các hình thức và phương tiện thông tin đã được phủ khắp các vùng miền giúp người dân tiếp cận được với những thông tin, kiến thức mới nhất.

3.2 Triển vọng phát triển

Hoạt động của nhà máy đang tập trung vào chế biến gạo. Trong những năm gần đây nền kinh tế có nhiều khó khăn, lạm phát tăng cao, tình hình tín dụng không thuận lợi đầu ra khó khăn... đã ảnh hưởng không tốt đến hoạt động của nhà máy. Tuy nhiên, các sản phẩm do nhà máy sản xuất và cung ứng có chất lượng và phẩm cấp ngày càng cao, đáp ứng được tiêu chuẩn xuất khẩu. Lương thực là các lĩnh vực quan trọng mà các quốc gia đều quan tâm đẩy mạnh nên những khó khăn hiện tại chỉ mang tính tạm thời. Trong tương lai gần, nhu cầu đối với lương thực là ngày càng tăng do dân số ngày càng đông. Lúa gạo tham gia ngày càng nhiều vào các sản phẩm thực phẩm chế biến sẵn như bánh tráng, mì, bún, miến... làm cho thị trường tiêu thụ càng được mở rộng.

Việt Nam là một quốc gia đông dân cư, thu nhập bình quân đầu người liên tục được cải thiện, nhu cầu tiêu thụ các sản phẩm gạo cao cấp không ngừng gia tăng. Do đó, ngành sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm lúa gạo phẩm cấp cao tại Việt Nam có rất nhiều tiềm năng phát triển trong thời gian tới.

4. Kế hoạch sản xuất kinh doanh và phân bổ lợi nhuận trong 3 năm tiếp theo

Dự kiến kết quả hoạt động SXKD trong 3 năm cổ phần hóa

Dvt: 1.000 đồng

Stt	Nội dung	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
1	Vốn điều lệ	68.856.000	68.856.000	68.856.000
2	Sản lượng gạo (tấn)	40.000	40.000	40.000
3	Doanh thu	483.000.000	531.300.000	584.430.000
4	Chi phí	473.000.000	518.017.000	569.819.000
5	Lợi nhuận trước thuế	10.000.000	13.283.000	14.611.000
6	Lợi nhuận sau thuế	10.000.000	13.283.000	14.611.000
7	Tổng số lao động dự kiến	43	45	45
8	Lương bình quân dự kiến/năm	2.400.000	2.640.000	2.904.000
9	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/doanh thu	2,07%	2,50%	2,50%
10	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH	14,52%	19,29%	21,22%
11	Cổ tức	10%	15%	18%

5. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

5.1 Thuận lợi:

- Nhà máy có vị trí địa lý thuận lợi:
 - + Nhà máy tọa lạc tại huyện Bến Cầu, phía Bắc giáp huyện Châu Thành, phía Đông là huyện Gò Dầu, phía Nam là huyện Trảng Bàng, phía Tây là tỉnh Svayrieng (Campuchia), giáp sông Vàm Cỏ Đông, cận cảng Gò Dầu thuận tiện cho giao thông đường thủy lẫn đường bộ.
 - + Nhà máy được xây dựng cặp bờ sông Vàm Cỏ Đông thuận lợi cho tàu thuyền cập bến nhập nguyên liệu và xuất hàng ra cảng để xuất khẩu.
 - + Nằm trong vùng nguyên liệu có lúa, gạo dồi dào, có diện tích trồng lúa và sản lượng lúa cao nhất trong tỉnh nên thuận lợi trong việc mua lúa, gạo trực tiếp từ nông dân.
 - + Gần nguồn cung cấp điện quốc gia, nguồn nước ngọt, điều kiện thoát nước tốt nên đáp ứng nhu cầu sử dụng điện nước của Nhà máy.
 - + Ngoài những thuận lợi về vị trí địa lý nói trên thì Nhà máy còn thuận lợi rất lớn nữa là cả miền Đông Nam Bộ mới chỉ có 01 Nhà máy xuất khẩu gạo.
- Nhà máy mới được xây dựng, có diện tích đất 20.256,9 m² (đã được UBND tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất), diện tích xây dựng 9.364,96 m² và diện tích đất dự trữ phát triển giai đoạn II: 4.977,6 m² đáp ứng đủ nhu cầu sản xuất kinh doanh của Nhà máy.
- Nhà máy có dây chuyền thiết bị công nghệ hiện đại, tiên tiến từ khâu sấy lúa tươi - tách vỏ lúa - sát trắng gạo lức - qua hệ thống lau bóng - tách màu giúp cho gạo có chất lượng cao, đạt tiêu chuẩn xuất khẩu.
- Nhà máy đã được Bộ Công thương cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xuất khẩu gạo số 193/GCN ngày 14/11/2012.
- Dự án Nhà máy gạo xuất khẩu Tây Ninh được UBND tỉnh Tây Ninh cấp giấy xác nhận ưu đãi, hỗ trợ đầu tư ngày 02/8/2013, là dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư.

5.2 Khó khăn:

- Do nhà máy mới hoạt động nên chưa có nhiều kinh nghiệm trong việc quản lý, tay nghề còn non trẻ trong việc sản xuất gạo.
- Tình hình kinh tế thế giới và trong nước gặp nhiều khó khăn, thị trường xuất khẩu gạo đang bị chững lại nên sản lượng gạo sản xuất ra chủ yếu là tiêu thụ nội địa, chưa tìm được thị trường xuất khẩu.
- Chưa cạnh tranh được với Nhà máy chế biến gạo trong khu vực lân cận vì chưa có nhiều kinh nghiệm và thị phần.
- Nhà máy chưa có thị trường tiêu thụ xuất khẩu và xuất khẩu gạo cạnh tranh các nước trong khu vực như: Thái Lan, Campuchia.

6. Kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất

Công ty có dự định nâng cấp hệ thống xay sát lên cao hơn công suất hiện tại là 40.000 tấn/năm, tuy nhiên thời gian đầu sau khi hoạt động dưới mô hình công ty cổ phần Công ty không đầu tư hệ thống công nghệ xay sát mới, nâng cao năng suất khai thác của công nghệ hiện có để khai thác tối đa công suất hiện có của Nhà Máy.

7. Các giải pháp thực hiện:

Nhằm thực hiện được phương án sản xuất kinh doanh đã đề ra, Công ty sẽ tập trung thực hiện các giải pháp chủ yếu sau đây:

7.1 Giải pháp về tổ chức quản lý:

- Về bộ máy: Sẽ tiến hành sắp xếp lại bộ máy theo mô hình tổ chức gọn nhẹ, làm việc có hiệu quả; Song song với việc kiện toàn bộ máy tổ chức đơn vị cũng sẽ xây dựng cơ chế hỗ trợ các tổ chức đoàn thể trong đơn vị hoạt động tốt để nhằm động viên, phát huy quyền dân chủ của người lao động nâng cao hiệu quả kinh doanh, bảo vệ lợi ích chính đáng của người lao động.
- Về quản lý điều hành: tiến hành xây dựng các quy chế quản lý điều hành phù hợp với loại hình doanh nghiệp mới, phù hợp với cơ chế thị trường hiện nay.

7.2 Giải pháp về công nghệ

- Thiết lập hệ thống thông tin nội bộ và khai thác hệ thống thông tin chung trên mạng để phục vụ điều hành sản xuất kinh doanh kịp thời và có hiệu quả.

7.3 Giải pháp phát triển nguồn nhân lực

- Lao động còn lại sau khi chuyển sang Công ty cổ phần là 43 người. Lực lượng lao động này sẽ sắp xếp phù hợp với khả năng trình độ chuyên môn của từng người.
- Đào tạo lại lao động cho phù hợp với định hướng tổ chức sản xuất mới của doanh nghiệp, nâng cao trình độ tay nghề của người lao động đáp ứng kịp thời đối với nền kinh tế thị trường hiện nay. Đào tạo lại cũng là một biện pháp hỗ trợ tích cực cho việc sắp xếp lại lao động theo mô hình tổ chức mới, phù hợp với năng lực lao động sẵn có, đảm bảo quyền lợi cho người lao động sau khi cổ phần hoá.
- Lực lượng lao động đào tạo lại như sau:
 - + Các đối tượng có trình độ Đại học sẽ được đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn và tham dự các lớp tập huấn theo quy định để đảm bảo hành nghề cá nhân đúng theo quy định của pháp luật, đồng thời cập nhập những thông tin quản lý, nghiệp vụ, nghề nghiệp, nhất là hiện nay các văn bản qui định mới được ban hành, nếu không cập nhập kịp thời sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả của hoạt động kinh doanh tại doanh nghiệp.
 - + Các đối tượng có trình độ Cao đẳng, trung cấp: cập nhập thêm thông tin, nâng cao năng lực cá nhân học tập thêm kinh nghiệm đối với các ngành nghề doanh nghiệp dự kiến mở rộng thêm.
 - + Công nhân kỹ thuật: Đào tạo cho phù hợp với từng loại lao động, phù hợp với mô hình tổ chức mới, nâng cao trình độ đáp ứng yêu cầu chuyên môn hoá và các yêu cầu cần thiết của nền kinh tế thị trường. Việc đào tạo lại nhằm sắp xếp lao động cho phù hợp với các ngành nghề kinh doanh mới của doanh nghiệp theo chủ trương chung là sử dụng tối đa lực lượng lao động hiện có tại doanh nghiệp.

7.4 Mục tiêu và tầm nhìn chiến lược

- Phát huy tối đa lợi thế sẵn có về sản xuất lúa gạo và thương mại để đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 15%/ năm.
- Liên doanh, liên kết với bên ngoài để đầu tư mở rộng sản xuất, chuyển giao công nghệ, nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, đặc biệt là các sản phẩm có giá trị cao.
- Khai thác, mở rộng thị trường kinh doanh xuất khẩu, đại lý phân phối lẻ trong và ngoài tỉnh.

- Tạo ra giá trị mới cho xã hội, mang lại nhiều tiện ích cho khách hàng, tối đa hóa lợi ích cho cổ đông.
- Trở thành doanh nghiệp hoạt động trong ngành nghề lương thực hàng đầu khu vực ĐNB.

7.5 Định hướng về chiến lược sản phẩm

- Chiến lược về giống:
 - + Tập trung phát triển các giống lúa chất lượng cao thông qua mô hình cánh đồng mẫu lớn, đây là nhiệm vụ trọng tâm và phát triển bền vững; có xây dựng thành công mô hình này thì mới nâng cao được giá trị, chất lượng sản phẩm.
 - + Xây dựng và phát triển giống lúa chất lượng cao phù hợp với vùng đất thổ nhưỡng tại Tây Ninh ở những khu vực như Gò Dầu, Bến Cầu, Trảng Bàng, . . . từ đó tạo ra sản phẩm về gạo mang đặc thù của Tây Ninh.
- Chiến lược về sản phẩm:
 - + Phát huy tối đa nguồn nhân lực, sử dụng hết công suất thiết kế của nhà máy nhằm giảm giá thành sản phẩm, nâng cao tính cạnh tranh trên thị trường.
 - + Xây dựng và phát triển ra sản phẩm gạo đặc sản mang thương hiệu gạo Tây Ninh nhằm quảng bá và giới thiệu cho khách hàng biết đến gạo Tây Ninh.
 - + Tạo dựng những sản phẩm về gạo của nhà máy sao cho phù hợp với nhu cầu và thị hiếu của người tiêu dùng trong nước.

7.6 Kế hoạch tổ chức thị trường

- Thị trường xuất khẩu:
 - + Tập trung vào các thị trường truyền thống đã có khách hàng giao dịch như Mỹ, Hongkong, Trung Quốc, . . .
 - + Ngoài thị trường tập trung do nhà nước quản lý, tích cực tìm kiếm thêm khách hàng mới để mở rộng và đa dạng hóa thị trường xuất khẩu. Chú trọng những thị trường tiềm năng như: Châu Phi (Bờ Biển Ngà, Ghana, Senegal, Angola, Cameroon...), Bangladesh, Haiti, . . .
- Thị trường nội địa:
 - + Tập trung xây dựng và phủ kín mạng lưới tiêu thụ gạo ở các huyện trong tỉnh, tiếp tục khai thác và mở rộng mạng lưới tiêu thụ gạo ra bên ngoài tỉnh. Chú trọng phát triển khu vực miền Đông Nam Bộ, nhất là khu vực Tây Nguyên như Đắk Lắk, Kon Tum, . . .
 - + Cung cấp gạo cho các Khu công nghiệp, Khu chế xuất, các Công ty trên địa bàn tỉnh có các bếp ăn tập thể với số lượng công nhân đông như: Công ty cổ phần Việt Nam Mộc Bài (khoảng 11.000 lao động); cụm công nghiệp Phước Đông, Bời Lời (khoảng 7.000 lao động); Công ty TNHH VMC Hoàng Gia (khoảng 7.000 lao động), khu công nghiệp Trảng Bàng; khu công nghiệp Bourbon An Hòa, khu công nghiệp Chà Lã, khu chế xuất Linh Trung III, . . .
 - + Cung cấp trực tiếp sản phẩm cho các nhà máy, cơ sở sản xuất trong và ngoài tỉnh sản xuất ra các sản phẩm sau gạo như: bún, bánh tráng, bánh phở, rượu, bia, các loại bánh làm từ bột gạo, . . .

7.7 Kế hoạch marketing quảng bá thương hiệu

- Đầu tư cho công tác tiếp thị, quảng cáo sản phẩm trên các phương tiện thông tin đại chúng như: internet, truyền hình, báo, đài phát thanh, . . .
- Xây dựng kênh: Mỗi cán bộ, công nhân viên công ty và người thân sẽ là một nhân tố trong việc giới thiệu và quảng bá về sản phẩm gạo của nhà máy tới bạn bè, khách hàng khi có cơ hội để tạo dựng hình ảnh hạt gạo của Công ty, luôn được khách hàng ưu tiên lựa chọn khi có nhu cầu.
- Quảng bá sản phẩm gạo thông qua những hội chợ thương mại hàng nông sản trong và ngoài nước.
- Xây dựng chính sách giá hợp lý, phát triển nhãn hiệu – bao bì mang đặc thù của đơn vị; xây dựng mức chiết khấu, hoa hồng cho các đại lý, . . .

8. Phương án và chính sách lao động

8.1 Phương án lao động

Dựa trên cơ sở nguồn lao động hiện có: đội ngũ lao động trẻ, có trình độ chuyên môn và tay nghề phù hợp với Chiến lược phát triển kinh doanh của Công ty sau cổ phần hóa. Công ty đã được cơ quan chủ quản cho phép giữ nguyên lực lượng lao động hiện tại đang làm việc tại công ty trước cổ phần hóa.

Số liệu cụ thể về lao động tại thời điểm có quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp thực hiện cổ phần hoá được thể hiện trong bảng dưới đây:

❖ Phân loại theo trình độ:

STT	Trình độ	Tổng số người	Tỷ lệ (%)
1	Trên đại học	0	0
2	Đại học	11	25,58
3	Cao đẳng	02	4,65
4	Trung cấp	08	18,60
5	Công nhân kỹ thuật	05	11,63
6	Lao động phổ thông	17	39,54
	Tổng cộng	43	100,00

❖ Phân loại theo phòng ban:

STT	Phòng ban	Tổng số người	Tỷ lệ (%)
1	Ban Giám đốc	02	4,65
2	Phòng Kinh tế Tổng hợp	06	13,95
3	Phòng nguyên liệu	02	4,65
4	Phòng KCS	06	13,95

5	Xưởng sản xuất	27	62,79
	Tổng cộng	43	100,00

8.2 Chính sách đối với người lao động

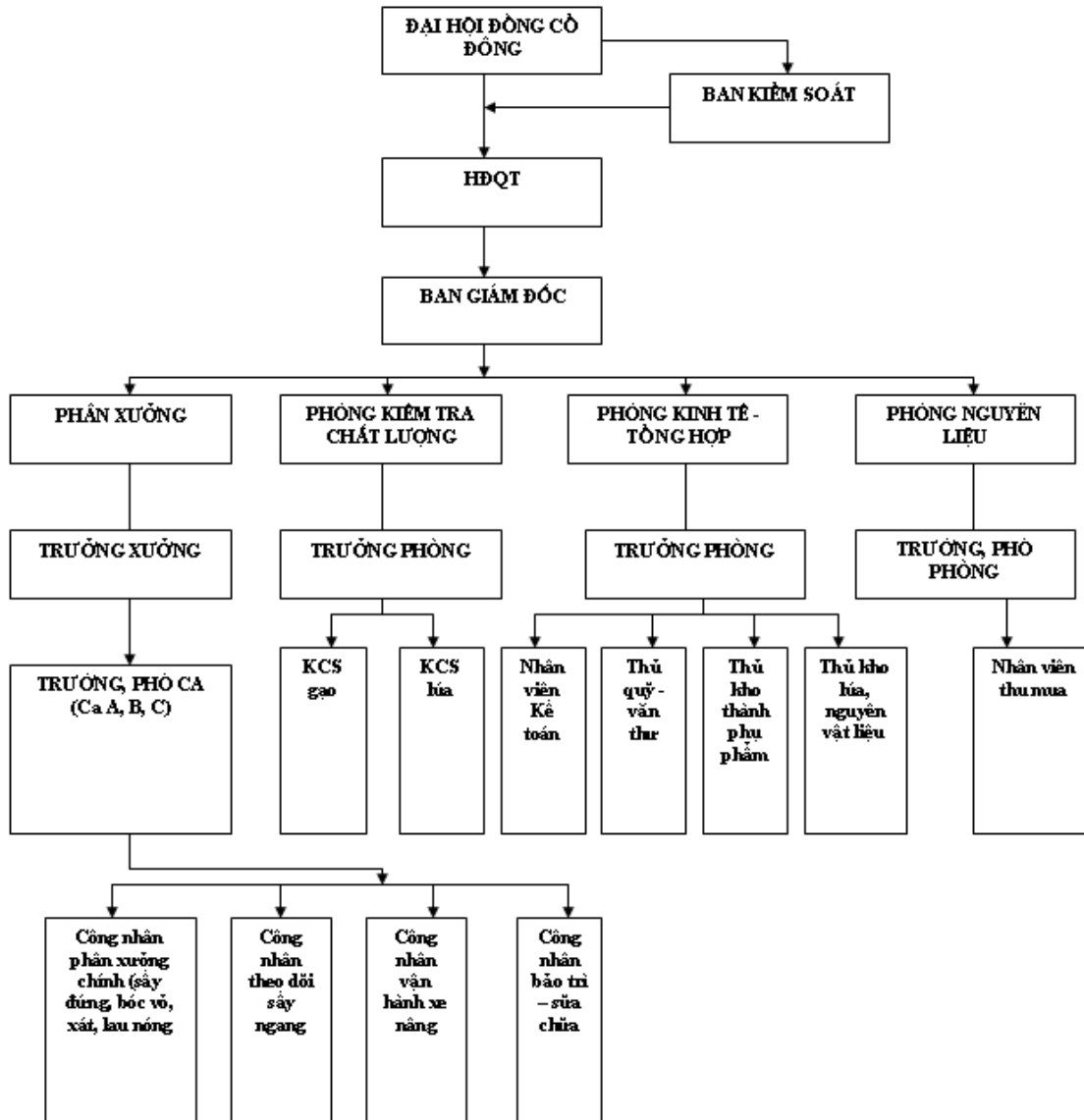
Các chính sách về lao động của Công ty trong giai đoạn 2014 - 2016 có những điểm chính sau:

- Căn cứ vào thang bảng lương do Nhà nước quy định.
- Việc trả lương thực hiện theo quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty theo mức độ hoàn thành và độ phức tạp của công việc.
- Thực hiện mua BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động theo chế độ chính sách nhà nước.
- Về tiền thưởng: theo quy định của nhà nước và quy chế của Công ty.
- Kế hoạch cụ thể về Quỹ lương của Công ty sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định trên cơ sở đề xuất của Ban Giám đốc theo đúng quy định hiện hành.
- Căn cứ các quy định của pháp luật về lao động, kế hoạch kinh doanh và tình hình cụ thể của quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty, Công ty sẽ có chế độ lương, thưởng thích hợp để kích thích lực lượng lao động, đồng thời đảm bảo các yêu cầu về mặt tài chính của cán bộ công nhân viên.
- Công ty thực hiện đầy đủ các chính sách đối với người lao động theo quy định của pháp luật, Thỏa ước lao động và các chính sách của Công ty

9. Tổ chức bộ máy sau cổ phần hóa

Dự kiến bộ máy tổ chức của công ty như sau:

SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY CP LƯƠNG THỰC MỘC BÀI



- Đại hội đồng cổ đông: là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại các cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
- Hội đồng quản trị: là cơ quan quản lý trực tiếp tại Công ty. Hội đồng quản trị tổ chức thực hiện các quyền và nghĩa vụ mà Đại hội đồng cổ đông giao tại Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật; có quyền nhân danh Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ những vấn đề của Đại hội đồng cổ đông;
- Ban Kiểm soát: do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; thẩm định báo cáo tài chính hàng năm của Công ty; thông báo kết quả kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cho Đại hội đồng cổ đông và thực hiện các nhiệm vụ khác theo Điều lệ Công ty.
- Ban Giám đốc: Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ

đồng, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua và thực hiện các nhiệm vụ khác theo điều lệ Công ty.

- Các phòng ban: Phân xưởng sản xuất, Phòng kiểm tra chất lượng, Phòng kinh tế tổng hợp, Phòng nguyên liệu. Các phòng ban thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Ban điều hành Công ty nhằm đảm bảo tiến độ các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

10. Cơ cấu vốn điều lệ

Theo Quyết định số 82/QĐ-CTMD ngày 10/06/2014 của Hội đồng Thành viên Công ty TNHH MTV Mía đường Tây Ninh về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Nhà máy gạo xuất khẩu Tây Ninh thành công ty cổ phần và quyết định số 193/QĐ-CTMD ngày 22/10/2014 của Hội đồng Thành viên Công ty TNHH MTV Mía đường Tây Ninh về việc điều chỉnh cơ cấu cổ phần chào bán và Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần dự kiến như sau:

10.1 Cơ cấu cổ phần chào bán:

STT	Đối tượng chào bán	SL CP (cổ phần)	Mệnh giá (đồng)	Tỷ lệ chào bán (%)
1	Chào bán công khai ra bên ngoài cho các NĐT	6.855.400	68.554.000.000	99,56
2	Chào bán cho người lao động trong công ty theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước	11.600	116.000.000	0,17
3	Chào bán cho người lao động trong công ty theo dạng đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần	18.600	186.000.000	0,27
Cộng		6.885.600	68.856.000.000	100,00

10.2 Cơ cấu sở hữu dự kiến trong công ty cổ phần như sau:

STT	Cổ đông	SL CP (cổ phần)	Mệnh giá (đồng)	Tỷ lệ/VĐL (%)
1	Công ty Mía đường Tây Ninh	0	0	0,00
2	Cổ đông bên ngoài	6.885.600	68.856.000.000	100,00
	+ Người lao động trong công ty	30.200	302.000.000	0,44
	+ Cổ đông bên ngoài	6.855.400	68.554.000.000	99,56
Tổng vốn điều lệ		6.885.600	68.856.000.000	100,00

- Vốn điều lệ dự kiến: **68.856.000.000** đồng (Bằng chữ: sáu mươi tám tỷ tám trăm

năm mươi sáu triệu đồng.)

- Số cổ phần chào bán công khai ra công chúng: 6.855.400 cổ phần
- Mệnh giá của mỗi cổ phần: 10.000 đồng (*Mười ngàn đồng chẵn*).

VII. PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN CỔ PHẦN

1. Chào bán công khai ra bên ngoài cho các NĐT

- Số lượng cổ phần chào bán công khai: 6.855.400 cổ phần với tổng mệnh giá là: 68.554.000.000 đồng, chiếm 99,56% vốn điều lệ Công ty cổ phần
- Thực hiện theo hình thức đấu giá công khai tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM.
- Giá khởi điểm: 10.000 đồng/cổ phần
- Đối tượng tham gia: Các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đáp ứng điều kiện theo quy định của Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Nhà máy gạo xuất khẩu Tây Ninh trực thuộc Công ty TNHH MTV Mía đường Tây Ninh.
- Đặt cọc: Bằng 10% giá trị tổng số cổ phần đăng ký mua tính theo giá khởi điểm.
- Thời gian và địa điểm nhận Bản công bố thông tin, đăng ký tham gia đấu giá, nộp tiền đặt cọc, phát phiếu tham dự đấu giá: Theo quy định trong Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Nhà máy gạo xuất khẩu Tây Ninh trực thuộc Công ty TNHH MTV Mía đường Tây Ninh.
- Thời gian đăng ký tại các Đại lý: Theo quy định trong Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Nhà máy gạo xuất khẩu Tây Ninh trực thuộc Công ty TNHH MTV Mía đường Tây Ninh.
- Thời gian các Đại lý nhận phiếu tham dự đấu giá: Theo quy định trong Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Nhà máy gạo xuất khẩu Tây Ninh trực thuộc Công ty TNHH MTV Mía đường Tây Ninh.
- Thời gian tổ chức buổi đấu giá: Theo thời gian được quy định tại Quy chế đấu giá.
- Địa điểm tổ chức đấu giá:
 - + Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM
 - + Địa chỉ: 16 Võ Văn Kiệt, Quận 1, TP. HCM
- Thời hạn thanh toán tiền mua cổ phần và nhận lại tiền đặt cọc do không mua được cổ phần căn cứ theo kết quả đấu giá: Theo quy định trong Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Nhà máy gạo xuất khẩu Tây Ninh trực thuộc Công ty TNHH MTV Mía đường Tây Ninh.

2. Cổ phần bán cho người lao động trong công ty

Gồm 2 hình thức chi tiết như sau:

2.1 Cổ phần chào bán cho người lao động trong công ty theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước

Theo quy định tại Khoản 1, Điều 48 Nghị định số: 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần thì giá bán cổ phần cho người lao động trong trường hợp này là “*giá bán bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất (trường hợp đấu giá công khai trước) hoặc bằng 60% giá bán thành công thấp nhất cho các nhà đầu tư chiến lược (đối*

với trường hợp bán cho nhà đầu tư chiến lược trước)”.
-

- Giá bán cho người lao động: Bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất của đợt đấu giá công khai theo quy định tại Khoản 1, Điều 48 Nghị định số: 59/2011/NĐ-CP nêu trên.
- Tổng số lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa là: 43 người.
- Tổng số lao động được mua cổ phần theo giá ưu đãi: 39 người.
- Tổng số năm công tác của người lao động được mua cổ phần ưu đãi trong khu vực Nhà nước: 116 năm.
- Số lượng cổ phần chào bán: 11.600 cổ phần, chiếm 0,17% VDL

2.2 Cổ phần chào bán cho người lao động trong công ty theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần

Theo quy định tại Khoản 2, Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần: *Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa, thuộc đối tượng doanh nghiệp cần sử dụng và có cam kết làm việc lâu dài cho doanh nghiệp trong thời hạn ít nhất là 03 năm (kể từ ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu) sẽ được mua thêm cổ phần ưu đãi theo quy định sau: Mua thêm theo mức 200 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong doanh nghiệp nhưng tối đa không quá 2.000 cổ phần cho một người lao động. Riêng người lao động là các chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao làm việc tại doanh nghiệp được mua thêm theo mức 500 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong doanh nghiệp nhưng tối đa không quá 5.000 cổ phần cho một người lao động. Doanh nghiệp cổ phần hóa căn cứ đặc thù ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh của mình xây dựng và quyết định các tiêu chí để xác định chuyên gia giỏi, có trình độ nghiệp vụ cao và phải được nhất trí thông qua tại Đại hội công nhân viên chức của doanh nghiệp trước khi cổ phần hóa.*

Công ty căn cứ trên đặc thù ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh nhu cầu thực tế và năng lực của từng nhân viên để lập danh sách đề xuất:

- Số lượng cổ phần chào bán dự kiến: 18.600 cổ phần, 0,27% VDL
- Tổng số lao động được mua cổ phần theo dạng cam kết làm việc: 26 người.
- Tổng số năm cam kết làm việc của người lao động được mua cổ phần theo dạng cam kết làm việc: 93 năm.
- Giá bán: bằng giá đấu thành công thấp nhất của đợt đấu giá công khai.

3. Xử lý cổ phiếu không bán hết

Trường hợp số cổ phần không được người lao động trong công ty, các nhà đầu tư bên ngoài mua hết theo phương án trên thì được xử lý theo quy định hiện hành (Ban Chỉ đạo cổ phần hóa báo cáo cơ quan có thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa thực hiện điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ để chuyển 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần trước khi tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần đầu).

VIII. RỦI RO DỰ KIẾN

1. Rủi ro về kinh tế

Những năm trở lại đây, kinh tế Việt Nam bị ảnh hưởng bởi sự hồi phục chậm chạp của kinh tế thế giới, Xuất khẩu tăng trưởng chậm. Dự kiến những năm tiếp theo nền kinh tế cũng chưa thực sự tăng trưởng ổn định

Theo Hiệp hội lương thực Việt Nam, xuất khẩu gạo trong năm 2013 đạt 6,68 triệu tấn, đạt kim ngạch gần 2,9 tỷ USD, giảm hơn 1 triệu tấn so với năm 2012. (Nguồn: TTXVN). Theo dự báo của các chuyên gia, ngành xuất khẩu gạo vẫn còn gặp khó khăn trong năm 2014 với nhiều lí do khác nhau. Trong đó, phải kể đến gạo cấp thấp của Việt Nam không thể cạnh tranh với gạo cấp thấp của Ấn Độ về giá, và gạo cấp cao của Việt Nam khó vượt qua gạo cấp cao của Thái Lan về chất lượng. Vì vậy, để hạt gạo Việt Nam có thể vươn ra thế giới suôn sẻ như trước đây, thì chính ngành gạo cũng phải cần nhiều thay đổi. Ngoài ra dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong gạo xuất khẩu cũng là nhân tố ảnh hưởng đến sản lượng gạo xuất khẩu.

2. Rủi ro về luật pháp

Hệ thống luật pháp Việt Nam hiện nay vẫn đang trong giai đoạn hoàn thiện, việc vận dụng pháp luật vào thực tế hoạt động kinh doanh còn khó khăn, không kịp thời và thiếu nhất quán; Ngoài ra những năm sắp tới là những năm mà các cam kết của WTO đối với Việt Nam có hiệu lực điều này càng làm phát sinh các vấn đề liên quan đến pháp luật rất đa dạng trong thương mại giữa các nước, trong khi sự chuẩn bị của các doanh nghiệp Việt Nam đối với vấn đề này còn chưa được chú trọng đúng mức.

3. Rủi ro của đợt chào bán

Những thực trạng đang diễn ra trên thị trường chứng khoán Việt Nam hiện nay cũng như tâm lý của các nhà đầu tư chưa thật sự ổn định. Phân đông trong số họ đang chờ đợi những động thái tích cực hơn của Chính phủ cũng như những dấu hiệu lạc quan hơn từ nền kinh tế, dẫn đến tình hình giao dịch của cổ phiếu cả trên thị trường niêm yết và thị trường OTC chưa thực sự sôi động. Chính vì thế, quyết định chào bán cổ phần ra công chúng của Công ty vào thời điểm này có thể sẽ gặp một số khó khăn và bất lợi nhất định. Đây là thời điểm khó khăn của ngành tài chính ngân hàng tại Việt Nam, rất nhiều cổ phiếu tại các sàn giao dịch chứng khoán đang có giá trị thấp vẫn không thu hút được nhà đầu tư, việc đấu giá cổ phiếu của doanh nghiệp cũng sẽ gặp rất nhiều khó khăn do tình hình chung này.

4. Rủi ro khác

Các rủi ro khác nằm ngoài dự đoán và vượt quá khả năng phòng chống của con người như thiên tai, hỏa hoạn, ...là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Nhà máy gạo xuất khẩu Tây Ninh thuộc Công ty TNHH MTV Mía đường Tây Ninh.

IX. DỰ TOÁN TÀI CHÍNH

1. Dự toán chi phí cổ phần hóa

Dự toán chi phí cổ phần hóa trong giai đoạn hiện tại là 385.000.000 đồng, chi tiết như sau:

STT	Khoản mục chi phí	Dự toán (đồng)
I	Chi phí trực tiếp tại doanh nghiệp	175.000.000

1	Chi phí ĐH công nhân viên chức	15.000.000
2	Chi phí Đại hội cổ đông lần đầu	40.000.000
3	Thù lao Ban chỉ đạo CPH và Tổ giúp việc	60.000.000
4	Chi phí khác	60.000.000
II	Thuê tư vấn	
1	Xác định giá trị doanh nghiệp	210.000.000
2	Lập phương án cổ phần hóa, điều lệ, xây dựng hồ sơ chào bán, công bố thông tin truyền thông, tổ chức đấu giá bán cổ phần lần đầu	
Tổng cộng		385.000.000

(Dự toán Chi phí Cổ phần hóa đã được Hội đồng Thành viên Công ty TNHH MTV Mía đường Tây Ninh phê duyệt theo công văn số 28/CTMD ngày 27/02/2014)

2. Tiền thu được dự kiến từ Cổ phần hóa

Trên cơ sở giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, tỷ lệ góp vốn của nhà nước tại Công ty cổ phần, Công ty TNHH MTV Mía đường Tây Ninh dự kiến kế hoạch hoàn vốn ngân sách nhà nước, tạm tính theo phương án tất cả số lượng cổ phần bán đấu giá được mua với giá 10.000 đồng và giá đấu bình quân là 10.000 đồng.

Khoản mục	Số tiền
1. Vốn Nhà nước thực tế tại doanh nghiệp theo kết quả định giá	76.506.657.245
2. Vốn Nhà nước sau khi điều chỉnh giảm	68.856.000.000
3. Vốn điều lệ Công ty cổ phần	68.856.000.000
4. Tiền thu từ cổ phần hoá	68.809.600.000
- Từ bán cổ phần ưu đãi bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất cho CBCNV	69.600.000
- Từ bán cổ phần cho người lao động theo dạng cam kết làm việc lâu dài	186.000.000
- Từ bán đấu giá	68.554.000.000
5. Giá trị mệnh giá cổ phần bán cho CBNV, bán đấu giá	68.856.000.000

6. Chi phí cổ phần hoá đơn vị thực hiện	385.000.000
7. Chi phí giải quyết chính sách lao động dôi dư	0
8. Phần thặng dư vốn để lại DN tương ứng tỷ lệ cổ phần phát hành thêm /Vốn điều lệ	0
Tổng số tiền hoàn vốn ngân sách = (4) - (6) - (7) - (8)	68.424.600.000

X. CAM KẾT

Việc đánh giá, lựa chọn thông tin và ngôn từ trong Bản công bố thông tin này được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên các số liệu và phương án cổ phần hóa đã được duyệt của Nhà máy gạo xuất khẩu Tây Ninh trực thuộc Công ty TNHH MTV Mía đường Tây Ninh. Chúng tôi cung cấp thông tin với mục đích giúp nhà đầu tư có được những nhận định đúng đắn và khách quan trước khi tham dự đấu giá mua cổ phần của Nhà Máy. Chúng tôi kính mong các nhà đầu tư tham khảo kỹ Bản công bố thông tin này trước khi quyết định tham gia đấu giá cổ phần của Nhà máy gạo xuất khẩu Tây Ninh trực thuộc Công ty TNHH MTV Mía đường Tây Ninh.

Chúc các nhà đầu tư tham dự buổi đấu giá thành công.

Xin trân trọng cảm ơn.

Tây Ninh, ngày 27 tháng 10 năm 2014

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC CHÀO BÁN
CÔNG TY TNHH MTV MÍA ĐƯỜNG TÂY NINH



KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN THỊ PHÚC

ĐẠI DIỆN BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA
TRƯỞNG BAN

TRẦN HẢI SƠN

ĐẠI DIỆN NHÀ MÁY GẠO XUẤT KHẨU TÂY NINH
GIÁM ĐỐC

NGUYỄN VĂN CAM

Tp. HCM, ngày 27 tháng 10 năm 2014

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA
GIÁM ĐỐC KHỞI NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ**



NGUYỄN ĐĂNG KHOA